

QUY CHẾ

**Tuyển sinh và đào tạo liên thông, vừa làm vừa học
trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non năm 2023**
(Kèm theo Quyết định số 486/QĐ-CDSPTW ngày 29 tháng 6 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương)

Chương 1. TUYỂN SINH

Điều 1. Đối tượng tuyển sinh

1. Đối với liên thông cao đẳng: Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp sư phạm mầm non.
2. Đối với cao đẳng vừa làm vừa học: Người đã tốt nghiệp THPT.

Điều 2. Hình thức tuyển sinh

1. Đối với liên thông cao đẳng
 - a) Thực hiện xét tuyển
 - b) Căn cứ vào số người đăng ký dự xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh quyết định số thí sinh trúng tuyển đối với người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp sư phạm mầm non.

Trong trường hợp số lượng thí sinh vượt quá chỉ tiêu thì sẽ thực hiện việc xét tuyển từ cao xuống thấp theo điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa ở trình độ trung cấp ngành giáo dục mầm non.

2. Đối với cao đẳng vừa làm vừa học

Thực hiện xét tuyển kết hợp thi tuyển các môn năng khiếu

- Tổ hợp môn tuyển sinh

+ Môn văn hóa: Ngữ văn hoặc Toán

+ Môn năng khiếu 1: Đọc, kể chuyện diễn cảm

+ Môn năng khiếu 2: Hát

- Hình thức thi năng khiếu: Tùy theo tình hình thực tiễn, Hội đồng tuyển sinh của Trường quyết định áp dụng hình thức thi năng khiếu trực tiếp hay trực tuyến. Hình thức thi năng khiếu được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

Điều 3. Chỉ tiêu tuyển sinh

1. Chỉ tiêu đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng, đào tạo VLVH được xác định theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Căn cứ tình hình thực tiễn, phòng Quản lý đào tạo xây dựng phương án chỉ tiêu liên thông, VLVH trình Hiệu trưởng quyết định và đăng ký trên hệ thống quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

1. Đối với liên thông cao đẳng vừa làm vừa học:
Người học có bằng trung cấp sư phạm mầm non.

2. Đối với cao đẳng vừa làm vừa học

a) Đối với người tốt nghiệp THPT

- Trường hợp sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT: Nhà trường sử dụng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GDĐT quy định cho năm tuyển sinh.

- Trường hợp sử dụng kết quả học tập môn Ngữ văn/Toán lớp 12 ở THPT: Học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

- Môn năng khiếu: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với mỗi môn năng khiếu từ 5.0 điểm trở lên.

b) Đối với người có bằng cao đẳng, đại học sư phạm ngành khác: phải đảm bảo mỗi môn năng khiếu từ 5.0 điểm trở lên.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển và hồ sơ dự tuyển

1. Điều kiện dự tuyển

a) Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (đối với cao đẳng vừa làm vừa học); đã tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non (đối với cao đẳng liên thông).

b) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

c) Có đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Hồ sơ dự tuyển

a) Đối với cao đẳng liên thông

- Đơn đăng ký (theo mẫu);

- Bản công chứng chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân;

- Bản công chứng bằng điểm và bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non;

- 04 ảnh cỡ 3cm x 4cm.

b) Đối với cao đẳng vừa làm vừa học

- Đơn đăng ký (theo mẫu);

- Bản công chứng chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân;

- Bản công chứng học bạ THPT và bằng tốt nghiệp THPT;

- Bản công chứng bằng điểm, bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học

(nếu có)

- 04 ảnh cỡ 3cm x 4cm.

Điều 6. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Ưu tiên theo khu vực (Theo phụ lục 1)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng.

c) Các trường hợp sau được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung

cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng hải ngoại ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (Theo phụ lục 2)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GD-ĐT quyết định.

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

d) Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 3 môn theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số).

Điều 7. Điểm xét tuyển

1. Điểm xét tuyển sinh được tính: Điểm xét tuyển = Điểm văn hóa + Điểm NK1 + Điểm NK2 + Điểm ưu tiên khu vực (nếu có) + điểm ưu tiên đối tượng (nếu có).

2. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh thực hiện theo Điều 6 của Quy chế này.

Điều 8. Tổ chức thi

1. Thời gian tổ chức thi

- Căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển, cho tới hết tháng 12 hoặc khi đã xét tuyển đủ chỉ tiêu được giao hoặc thời điểm khác trong trường hợp đặc biệt do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

Lịch thi năng khiếu từng đợt có thông báo riêng và công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

2. Địa điểm tổ chức thi: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương hoặc phương thức trực tuyến.

3. Môn thi năng khiếu: Năng khiếu 1: Đọc, kể diễn cảm, Năng khiếu 2: Hát.

- Đọc, kể diễn cảm (10 điểm): thí sinh đọc diễn cảm một câu chuyện theo đề thi rút thăm được; sau khi đọc xong, thí sinh tự chọn và kể diễn cảm lại một tình tiết hay một sự kiện trong truyện.

- Hát (10 điểm): thí sinh trình bày một bài hát đã được chuẩn bị trước, viết cho lứa tuổi thanh thiếu niên trở lên, bài hát về quê hương, đất nước, bài hát cách mạng có nội dung lành mạnh với yêu cầu: hát chính xác giai điệu, lời ca và tính chất âm nhạc của bài.

Điều 9. Công bố điểm thi

1. Sau khi tổng hợp điểm, Ban Thư ký chuyển bộ phận Thanh tra kiểm dò kết quả thi và soạn thảo Quyết định công nhận điểm thi năng khiếu và Bảng tổng hợp điểm thi năng khiếu trình Hội đồng Tuyển sinh.

2. Quyết định công nhận điểm thi năng khiếu phải được công bố cho thí sinh chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ thời điểm ban hành quyết định.

Chương 2. PHỐI HỢP TUYỂN SINH VÀ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

Điều 10. Hình thức liên kết đào tạo

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương thực hiện hình thức phối hợp đặt lớp đào tạo. Cơ sở phối hợp đào tạo không tham gia giảng dạy, chỉ phối hợp quản lý và đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện liên kết đào tạo.

Điều 11. Các yêu cầu tối thiểu của cơ sở phối hợp đào tạo

1. Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

2. Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo

1. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

a) Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng liên kết đào tạo, thỏa thuận cụ thể về quyền và trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tổ chức thực hiện, quản lý quá trình dạy học bảo đảm chất lượng đào tạo và thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan. Phòng Quản lý đào tạo là đầu mối dự thảo và tham mưu cho Ban Giám hiệu việc ký kết hợp đồng phối hợp tuyển sinh và quản lý đào tạo.

b) Trước khi tuyển sinh, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo. Trong quá trình đào tạo, nếu cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định thì Phòng Quản lý đào tạo xây dựng phương án chuyển sinh viên về Trường để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho sinh viên.

2. Cơ sở phối hợp đào tạo

a) Cơ sở phối hợp đào tạo có trách nhiệm bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất thực hiện đào tạo; tham gia quản lý, giảng dạy, theo thỏa thuận giữa hai bên.

b) Cơ sở phối hợp đào tạo có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện, thông tin tuyển sinh theo thông báo của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương; thông tin và phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình thực hiện hoạt động đào tạo.

Điều 13. Phối hợp tư vấn tuyển sinh

1. Tùy thuộc vào điều kiện thực tế, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương phối hợp với các đơn vị trong truyền thông và tư vấn tuyển sinh.

2. Đơn vị phối hợp truyền thông và tư vấn tuyển sinh thực hiện việc thông báo, tư vấn tuyển sinh theo hướng dẫn và quy định của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

3. Phòng Quản lý đào tạo có trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng lựa chọn đơn vị phối hợp truyền thông và tư vấn tuyển sinh.

Chương 3. ĐÀO TẠO

Điều 14. Thời gian học tập

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học bằng 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với mỗi hình thức đào tạo. Đối với sinh viên đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

Điều 15. Phương thức tổ chức đào tạo

1. Trường Cao đẳng Sư phạm trung ương lựa chọn đào tạo theo tín chỉ, áp dụng thống nhất cho tất cả các khóa và hình thức đào tạo.

2. Đào tạo theo tín chỉ

a) Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của trường;

b) Sinh viên không đạt học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 16. Hình thức đào tạo

1. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại trường hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài cơ sở đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo.

2. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

3. Việc tổ chức đào tạo trực tuyến được thực hiện 30% tổng thời lượng của chương trình đào tạo. Trường các khoa quyết định tỷ lệ, nội dung giảng dạy trực tuyến của mỗi học phần trong chương trình đào tạo và thống nhất với Phòng Quản lý đào tạo trước khi triển khai xây dựng kế hoạch đào tạo. Trong trường

hợp đặc biệt như thiên tai, dịch bệnh thì thời lượng đào tạo trực tuyến do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 17. Tổ chức đăng ký học tập

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Trường tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập trên hệ thống quản lý đào tạo.

2. Sinh viên phải đăng ký lớp của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ, gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

3. Khối lượng học tập mà sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ từ 10 đến 24 tín chỉ.

4. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của chương trình đào tạo.

5. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau hai tuần kể từ đầu học kỳ chính (nhưng không muộn quá ba tuần).

Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên có đơn đề nghị (có xác nhận của cố vấn học tập và khoa quản lý lớp) gửi Phòng Quản lý đào tạo.

b) Đảm bảo số lượng tín chỉ đăng ký tối thiểu mỗi học kỳ.

c) Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với các học phần đã đăng ký xin rút bớt khi đã được Phòng Quản lý đào tạo gỡ tên sinh viên khỏi lớp học phần và thông báo tới giảng viên giảng dạy học phần đó.

Điều 18. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Đầu mỗi học kỳ các khoa thực hiện việc phân công giảng dạy căn cứ vào kế hoạch Phòng Quản lý đào tạo xây dựng. Nếu cần mời giảng thêm giảng viên thỉnh giảng phải có hồ sơ giảng dạy theo quy định và thể hiện rõ trong kế hoạch đào tạo hoặc tờ trình độc lập trong trường hợp đặc biệt.

Việc phân công giảng viên cho các lớp học, giảng viên giảng dạy, giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập, khoá luận và thực hiện các hoạt động học tập khác thể hiện trong kế hoạch thực hiện công tác chuyên môn hàng năm. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công giảng dạy hoặc hướng dẫn sinh viên; trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan được quy định trong văn bản quy định chế độ làm việc của giảng viên, văn bản quy định về thực hành thực tập và kế hoạch làm khóa luận hàng năm.

2. Trách nhiệm và quyền của sinh viên khi tham dự các lớp học đầy đủ, tham gia thực hành hoặc khi được giao thực tập, khoá luận và các hoạt động học tập khác được quy định trong đề cương chi tiết các học phần, văn bản quy định về thực hành thực tập và kế hoạch làm khóa luận hàng năm và quy chế đào tạo.

3. Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng thực hiện hoạt động tổ chức thi và cải tiến chất lượng dạy và học theo kế hoạch hàng năm và đột xuất.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đánh giá về chất lượng giảng dạy học phần trên hệ thống quản lý đào tạo, phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục thống kê số liệu và làm báo cáo.

Kết thúc khóa học, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đã tốt nghiệp về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập và công khai ý

kiến phản hồi của sinh viên trên trang thông tin điện tử của trường.

4. Thời lượng, nội dung thực hành và thực tập được quy định trong chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà sinh viên đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mục đích, nội dung, địa điểm, hình thức hoạt động thực hành, thực tập, việc tổ chức thực hành, thực tập và đánh giá hoạt động thực hành, thực tập được quy định trong tập văn bản quy định về thực hành, thực tập của trường.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 19. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, kết quả học tập của sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần: kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ.

a) Kiểm tra thường xuyên do giảng viên giảng dạy học phần thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng học phần thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết, làm bài thực hành với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

b) Kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình học phần; kiểm tra định kỳ gồm các hình thức kiểm tra viết, thực hành từ 45 phút đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

c) Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho từng học phần cụ thể được thể hiện trong đề cương chi tiết của học phần, bảo đảm trong một học phần có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ đối với từng sinh viên.

d) Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, chỉ đánh giá trực tuyến (nếu có) với 01 đầu điểm kiểm tra thường xuyên. Riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

- Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

- Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và sinh viên;

- Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ theo đúng quy định.

2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Điểm học phần

a) Điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6;

b) Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm

tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

c) Đánh giá khản luận/chuyên đề tốt nghiệp và thực tập có quy định riêng.

d) Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

- Xếp loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10,0

B⁺: từ 8,0 đến 8,4

B: từ 7,0 đến 7,9

C⁺: từ 6,5 đến 6,9

C: từ 5,5 đến 6,4

D⁺: từ 5,0 đến 5,4

D: từ 4,0 đến 4,9

- Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập: P: từ 5,0 trở lên.

- Loại không đạt: F: dưới 4,0.

- Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

4. Học lại

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Quy chế này; sinh viên học lại không được bảo lưu điểm, thời gian học tập của học phần lần học trước và bảo đảm các điều kiện dự thi được quy định tại khoản 1 Điều 21 mới được dự thi kết thúc học phần; điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần.

Trường hợp không còn học phần do điều chỉnh chương trình đào tạo thì Hiệu trưởng quyết định chọn học phần khác thay thế trên cơ sở phù hợp với mục tiêu của ngành đào tạo.

Điều 20. Tổ chức thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần; kỳ thi phụ được tổ chức cho sinh viên chưa dự thi kết thúc học phần hoặc có học phần có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính; ngoài ra, có thể tổ chức thi kết thúc học phần vào thời điểm khác cho sinh viên đủ điều kiện dự thi.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

3. Thời gian làm bài thi kết thúc học phần đối với mỗi bài thi viết từ 60 phút đến 120 phút, thời gian làm bài thi trắc nghiệm từ 30 phút đến 60 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của học phần có tính đặc thù do khoa chuyên môn đề xuất, Hiệu trưởng quyết định.

4. Lịch thi của kỳ thi chính được thông báo trước kỳ thi ít nhất bốn tuần,

lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất một tuần; trong kỳ thi, từng học phần được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số học phần trong cùng một buổi thi của một sinh viên.

5. Thời gian ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho một tín chỉ; tất cả các học phần được giảng viên hướng dẫn ôn thi, đề cương ôn thi được công bố cho sinh viên sau khi kết thúc học phần giảng dạy.

6. Danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được giảng viên giảng dạy học phần đó công bố công khai vào buổi học cuối cùng của học phần; danh sách phòng thi, địa điểm thi phải được công khai trước ngày thi kết thúc học phần từ một ngày đến hai ngày làm việc.

7. Đối với hình thức thi viết, trắc nghiệm mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất hai cán bộ coi thi và không bố trí quá năm mươi sinh viên dự thi; sinh viên dự thi phải được bố trí theo số báo danh.

- Đối với các học phần vấn đáp sinh viên bốc thăm đề/chủ đề, giảng viên thông báo thời gian chuẩn bị và trả lời theo yêu cầu của đề thi.

- Đối với các học phần thi thực hành, cần chuẩn bị các điều kiện phù hợp với đặc thù từng học phần như phòng máy tính, phòng đàn, phòng vẽ, phòng múa... để sinh viên thực hiện bài thi.

- Đối với hình thức thi đặc thù khác, khoa chuyên môn đề xuất, Hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi hoặc địa điểm thi và các nội dung liên quan khác.

8. Bảo đảm tất cả những người tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi lại bằng biên bản.

9. Hình thức thi được quy định trong đề cương chi tiết học phần hoặc có sự điều chỉnh từ trước khi bắt đầu học kỳ.

10. Điểm thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10 và được làm tròn tới một chữ số thập phân.

11. Việc tổ chức đánh giá khóa luận, thực hành và thực tập và các học phần đặc thù khác có quy định riêng.

12. Thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến được thực hiện khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin. Hình thức và quy trình tổ chức thi nhằm bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của sinh viên.

13. Các quy định khác về làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo điểm bài thi, trách nhiệm các đơn vị, trách nhiệm của sinh viên, lưu trữ hồ sơ và bài thi, xử lý vi phạm được quy định trong Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần và Quy định về Xây dựng ngân hàng đề thi của Trường.

Điều 21. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc học phần

1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần

(tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên);

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 đối với ngành Giáo dục mầm non (theo thang điểm 10).

Sinh viên có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định được Hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở sinh viên đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

2. Số lần dự thi kết thúc học phần

a) Sinh viên được dự thi kết thúc học phần lần thứ nhất, nếu điểm học phần chưa đạt yêu cầu thì được dự thi thêm một lần nữa ở kỳ thi khác.

b) Sinh viên vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 (không) cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được bố trí dự thi ở kỳ thi khác.

Điều 22. Ra đề thi, chấm thi kết thúc học phần

1. Đề thi

a) Đề thi phải phù hợp với nội dung học phần đã được quy định trong chương trình đào tạo và phù hợp với đối tượng, trình độ của sinh viên.

b) Đề thi phải được tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên từ bộ đề lẻ hoặc ngân hàng đề thi của Trường và được duyệt trước khi tổ chức thi.

2. Chấm thi

a) Mỗi bài thi kết thúc học phần phải do ít nhất hai giảng viên chấm thi, cho điểm độc lập và phải ký đầy đủ vào bài thi, phiếu chấm điểm/bảng điểm tổng hợp của người dự thi; trong đó, bài thi viết tự luận phải được làm phách trước khi chấm và việc chấm thi vấn đáp, thực hành phải thực hiện trên phiếu chấm thi do Hiệu trưởng quy định.

b) Điểm của bài thi là trung bình cộng điểm của các giảng viên chấm thi; trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm, các giảng viên chấm thi trình Trường bộ môn hoặc Trường khoa chuyên môn quyết định.

c) Chấm bài thi kết thúc học phần bằng hình thức trực tuyến có quy định riêng.

d) Trường hợp sinh viên không đủ điều kiện dự thi thì phải nhận điểm 0 (không) cho lần thi đó.

3. Công bố điểm thi

a) Điểm thi theo hình thức vấn đáp, thực hành, thực tập hoặc báo cáo thực tập phải được công bố cho sinh viên biết ngay sau khi chấm.

b) Đối với các hình thức thi khác phải được công bố cho sinh viên biết sau mười ngày làm việc kể từ ngày thi xong học phần đó.

4. Các điểm thi kết thúc học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và được lưu tại Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 23. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một

học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

Điểm chữ	Thang điểm 4
A	4
B+	3,5
B	3
C+	2,5
C	2,0
D+	1,5
D	1,0
F	0

3. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc

Từ 3,2 đến 3,5: Giỏi

Từ 2,5 đến 3,1: Khá

Từ 2,0 đến 2,4: Trung bình

Từ 1,0 đến 1,9: Yếu

Dưới 1,0: Kém.

Điều 24. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

1. Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên được cảnh báo học tập nếu thuộc 1 trong 2 trường hợp sau:

a) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

b) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba.

Số lần cảnh báo tối đa trong cả khóa học là 2 lần.

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a) Số lần cảnh báo học tập hoặc mức cảnh báo học tập vượt quá giới hạn theo quy định của trường;

b) Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

3. Quy trình, thủ tục cảnh báo học tập, buộc thôi học

- Sau mỗi học kỳ chính (sau khi có kết quả thi lần 2) Phòng Quản lý đào tạo lập danh sách dự kiến cảnh báo và buộc thôi học, gửi danh sách dự kiến cho các khoa và đưa lên hệ thống quản lý sinh viên để lấy ý kiến phản hồi;

- Hoàn thiện danh sách, làm quyết định cảnh báo, buộc thôi học, trình ký;

- Thông báo tới sinh viên qua khoa quản lý và trên hệ thống quản lý sinh viên.

- Sinh viên bị buộc thôi học có thể được cấp bằng xác nhận kết quả học tập với những học phần đã đạt (nếu có nhu cầu).

Điều 25. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học. Cụ thể: Được miễn học, miễn thi kết thúc học phần trong trường hợp đã học, đã thi kết học phần đó trong chương trình khác cùng trình độ hoặc cao hơn và có nội dung, thời lượng phù hợp với học phần trong chương trình đang học.

2. Hội đồng chuyên môn của trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;

b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;

c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

3. Sinh viên được miễn trừ nội dung học tập không phân biệt hình thức đào tạo trực tiếp hay trực tuyến khi thuộc một trong những trường hợp sau:

a) Được miễn, giảm học môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Được miễn học, miễn thi kết thúc các học phần Lý luận chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc tốt nghiệp chương trình trung cấp lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên;

c) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn Ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc đã có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ được quy định tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trình độ từ trung cấp ngoại ngữ trở lên;

d) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn Tin học thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc có kết quả kiểm tra đầu vào đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trình độ

trung cấp trở lên nhóm ngành, nghề công nghệ thông tin;

đ) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Giáo dục thể chất thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo trong trường hợp là thương bệnh binh, có thương tật hoặc bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động; trong thời gian học tại trường đạt giải nhất, nhì, ba hoặc đạt huy chương trong các đợt thi đấu thể thao cấp ngành hoặc từ cấp tỉnh trở lên;

e) Có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật được hiệu trưởng xem xét, quyết định cho miễn, giảm một số học phần hoặc miễn, giảm một số nội dung mà khả năng cá nhân không thể đáp ứng được.

4. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

5. Đối với sinh viên học theo chương trình liên thông và người có bằng cao đẳng, đại học sư phạm ngành khác việc công nhận, chuyển đổi để miễn học các học phần thực hiện như sau:

- Được miễn học, miễn thi phần Lý luận chính trị trong trường hợp tổng số tiết các môn lý luận chính trị trong chương trình tốt nghiệp ở trình độ cao đẳng, đại học bằng hoặc nhiều hơn tổng số tiết của chương trình trung cấp và chương trình liên thông hoặc tốt nghiệp chương trình trung cấp lý luận chính trị trở lên.

- Đối với các học phần khác thực hiện theo quy định tại khoản 1,2,3,4 Điều này.

Điều 26. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; hoàn thành học phần Giáo dục Thể chất và học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với cơ sở đào tạo. Trong đó, thời hạn cấp bằng tốt nghiệp thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Xếp hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa được quy định lại khoản 4 Điều 23 của Quy chế này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có nhiều hơn 2 học phần phải học lại trong cả khóa học.

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ

điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục thể chất hoặc Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 2 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo.

6. Một số quy định

a) Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp

- Lập danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, công khai trên hệ thống quản lý sinh viên để lấy ý kiến phản hồi;

- Kiểm tra điều kiện chuẩn đầu ra;

- Tổ chức họp hội đồng xét tốt nghiệp;

- Chốt danh sách, ra quyết định công nhận tốt nghiệp.

b) Mỗi năm tổ chức từ 2 đợt xét tốt nghiệp trở lên, trong đó đợt 1 được tổ chức ngay sau khi sinh viên hoàn thành khóa học

Chương IV NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 27. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;

d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ ở cơ sở đào tạo và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

3. Sinh viên được cho phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập nếu thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có kết quả của ít nhất 1 học kỳ với điểm trung bình chung không dưới 2,00.

- Không thuộc trường hợp xem xét kỷ luật trong đó bao gồm cả trường hợp nghỉ học dài ngày không có lý do (*từ 1 tháng trở lên*).

4. Thủ tục, quy trình xin nghỉ học tạm thời

- Cố vấn học tập tư vấn cho sinh viên;

- Văn phòng khoa gửi mẫu đơn cho sinh viên;

- Sinh viên làm đơn, đến văn phòng khoa xin chữ ký của Ban chủ nhiệm khoa;

- Sinh viên nộp đơn cho phòng QLĐT;

- Phòng QLĐT kiểm tra nếu đủ điều kiện thì làm Quyết định, trình kí, trong trường hợp không đủ điều kiện thì có ý kiến vào đơn và chuyển lại cho khoa;

- Quyết định gửi Khoa, sinh viên, phòng CTHSSV, lưu văn thư trường, bộ phận quản lý hệ thống, lưu văn thư phòng QLĐT.

5. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả của các học phần đã đạt.

6. Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn quay trở lại học tiếp cần làm đơn gửi nhà trường trước khi học kỳ mới bắt đầu ít nhất 1 tuần.

7. Thủ tục, quy trình xin thôi học vì nhu cầu cá nhân

- Cố vấn học tập tư vấn cho sinh viên;
- Văn phòng khoa gửi mẫu đơn cho sinh viên;
- Sinh viên làm đơn, đến văn phòng khoa xin chữ ký của Ban chủ nhiệm khoa;
- Sinh viên nộp đơn cho phòng QLĐT;
- Phòng QLĐT làm Quyết định, trình kí;
- Quyết định gửi Khoa, sinh viên, phòng CTHSSV, lưu văn thư trường, bộ phận quản lý hệ thống, lưu văn thư phòng QLĐT.

8. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

Điều 28. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định về xử lý thí sinh vi phạm Quy chế thi của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ, học hộ hoặc nhờ người thi hộ, học hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Sinh viên sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

